



Bản tin Pháp luật

Tháng 1-2021



MỤC LỤC tháng 1/2021

I. HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

- Hỏi đáp.
- Các công văn liên quan đến chính sách thuế.

II. KIẾN THỨC PHÁP LUẬT

- Lương đóng bảo hiểm xã hội: 5 thông tin cần biết.
- Quy định mới về tạm nộp thuế TNDN từ 2021 theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP.
- Cách hoàn thiện một số nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh về miễn giảm Thuế GTGT và Thuế TNDN.
- Quyết toán thuế cần chuẩn bị những gì? Những kinh nghiệm và lưu ý khi quyết toán thuế.

III. VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- Thông tư số: 06/2020/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Nghị định số: 122/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.
- Nghị định số: 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.
- Nghị định số: 125/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

4 - 13

Hỏi đáp

14 - 18

Các công văn liên quan đến chính sách thuế



HỎI ĐÁP

1. Hỏi:

Theo quy định trước đây, khi có hoạt động xuất khẩu, DN dùng hóa đơn thương mại, tự in theo thông lệ của nước nhập khẩu. Nhưng theo Thông tư số 68/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định đối với hoạt động xuất khẩu phải dùng hóa đơn GTGT điện tử.

Vậy trong trường hợp này, DN xuất hóa đơn theo mẫu hóa đơn GTGT điện tử đang dùng (xuất cho khách nội địa và xuất khẩu) hay phải tạo mẫu mới (vì hoạt động xuất khẩu nên hóa đơn phải có thêm tiếng nước ngoài cho KH)?

Bên cạnh đó, DN tích hợp như thế nào giữa hóa đơn GTGT dùng để kê khai thuế và hóa đơn dùng cho đối tác nước ngoài (hay vẫn gửi cho khách hàng nước ngoài chung hồ sơ xuất khẩu thêm hóa đơn thương mại tự in)?

Ngoài ra, sau ngày 1/11/2020, DN chưa kịp chuyển đổi hóa đơn điện tử thì hóa đơn giấy đầu vào có được xem là hóa đơn hợp lệ để kê khai tính thuế GTGT và TNDN không?

Trả lời:

Căn cứ việc áp dụng hóa đơn điện tử, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử đối với 1 số trường hợp cụ thể theo yêu cầu quản lý:

Trường hợp đơn vị ông đang khởi tạo và sử dụng hóa đơn điện tử thì khi ông có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu (kể cả cơ sở gia công hàng hóa xuất khẩu) sẽ sử dụng hóa đơn GTGT điện tử hoặc hóa đơn bán hàng điện tử, mẫu hóa đơn này sử dụng chung khi cung cấp hàng hóa, dịch vụ vào nội địa.

Tùy theo đặc điểm, tính chất giao dịch và yêu cầu quản lý, ông có thể khởi tạo hóa đơn thể hiện thông tin về hợp đồng mua bán, lệnh vận chuyển, mã khách hàng và các thông tin khác để phù hợp với việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ vào thị trường nội địa, xuất khẩu ra nước ngoài và đăng ký phát hành, sử dụng với cơ quan quản lý thuế.

Các hóa đơn đặt in, tự in được phát hành đúng quy định thì vẫn được sử dụng đến trước ngày 1/7/2022 theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/QH14/2019 ngày 13/6/2019 của Quốc hội.

Theo đó, số thuế GTGT đầu vào được ghi trên các hóa đơn đặt in, tự in này được khấu trừ, phải đáp ứng được theo đúng, đủ quy định tại Điều 14, Điều 15 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính. Các chi phí được ghi trên hóa đơn đặt in, tự in nêu trên được xác định là chi phí được trừ khi đáp ứng được theo các quy định về thuế TNDN hiện hành.

HỎI ĐÁP

2. Hỏi:

Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ kính gửi Bộ Tài chính: - Thực hiện thẩm định dự án và thu phí thẩm định theo Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 và Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; - Theo quy định tại điểm a, khoản 2, điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016. Công chức trực tiếp tham gia thẩm định có được hưởng tiền công ngoài lương cơ bản hay không? - Mong nhận được phản hồi sớm. Chân thành cảm ơn.

Trả lời:

Tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí quy định:

2. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị định này được chi dùng cho các nội dung sau đây:

a) Chi thực hiện chế độ tự chủ (đối với cơ quan nhà nước), chi thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp công lập):

-Chi thanh toán cho cá nhân thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí: tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương (trừ chi phí tiền lương cho cán bộ, công chức đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo chế độ quy định)

Căn cứ quy định trên, công chức của Sở Xây dựng trực tiếp tham gia thẩm định thiết kế kỹ thuật, thẩm định dự toán xây dựng và thu phí (theo quy định tại Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính) đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo chế độ quy định thì không được hưởng thêm tiền công.

HỎI ĐÁP

3. Hỏi:

Kính hỏi Quý Bộ? Tôi làm việc tại DN Nhà nước, ký hợp đồng không xác định thời hạn với mức tiền lương theo hệ số lương năng suất là 1,17 và tiền lương hệ số là 4.840.000đ.

Thực tế công ty trả lương cho tôi với hệ số lương năng suất là 1,5 và tiền lương hệ số là 6.900.000đ. Đây là mức tiền lương bình quân tháng theo chế độ 22 ngày công/tháng. Vậy, công ty và người lao động khi nộp tiền bảo hiểm thì nộp theo lương trong hợp đồng lao động hay lương năng suất thực nhận hàng tháng?

Trả lời:

Căn cứ quy định tại Điều 17 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015; Khoản 2 và Khoản 3 Điều 30 Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015, từ ngày 1/1/2018 tiền lương tháng đóng BHXH là mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định của pháp luật về lao động ghi trong hợp đồng lao động. Phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định Điểm a Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/11/2015, cụ thể:

Mức lương: Ghi mức lương tính theo thời gian hoặc chức danh theo thang lương, bảng lương do người sử dụng lao động xây dựng theo quy định của pháp luật mà hai bên đã thỏa thuận. Đối với người lao động hưởng lương theo sản phẩm hoặc lương khoán thì ghi mức lương tính theo thời gian để xác định đơn giá sản phẩm hoặc lương khoán.

Phụ cấp lương: Là các khoản phụ cấp lương để bù đắp yếu tố về điều kiện lao động, tính chất phức tạp công việc, điều kiện sinh hoạt, mức độ thu hút lao động mà mức lương thỏa thuận trong HĐLĐ chưa được tính đến hoặc tính chưa đầy đủ.

Các khoản bổ sung khác: xác định được mức tiền cụ thể cùng với mức lương thỏa thuận trong HĐLĐ và trả trong mỗi kỳ trả lương.

Đề nghị độc giả đối chiếu, yêu cầu đơn vị xác định lại mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác để ghi trên hợp đồng lao động làm căn cứ đóng BHXH cho người lao động theo đúng quy định.

HỎI ĐÁP

4. Hỏi:

Kính hỏi Quý Bộ? Khi tham gia BHXH, việc cài đặt VssID có phải là bắt buộc không? Nếu có VssID thì còn phải dùng sổ BHXH giấy nữa hay không? Có thể biết thông tin về mã số BHXH của mình ở đâu?

**Trả lời:**

Hiện nay, việc cài đặt và sử dụng ứng dụng VssID đang được khuyến khích và chưa bắt buộc đối với người tham gia BHXH, BHYT. Ứng dụng này giúp chúng ta ngăn ngừa việc trốn đóng BHXH, mặt khác cũng giúp cho chính ngành BHXH hoàn thiện cơ sở dữ liệu vì cũng có thể vẫn có những sai sót, khi chúng ta kiểm tra lại thông tin của chính mình và phản hồi lại với cơ quan BHXH, giúp mình bạch hóa thông tin. Đồng thời qua đây người dân cũng có thể kiểm tra lại các hoạt động của ngành BHXH xem đã chuẩn chưa, còn những điểm nào chưa hợp lý về dữ liệu không.

Quy định về sử dụng sổ BHXH bằng giấy hiện nay vẫn còn. Trong lộ trình sắp tới BHXH Việt Nam hướng tới việc sử dụng ứng dụng này để thay thế cho thẻ và sổ BHXH. Mục tiêu mà Luật BHXH và Luật BHYT đặt ra là sử dụng thẻ BHYT và thẻ BHXH điện tử thay cho thẻ giấy, thì đây chính là hình thức đó.

Ứng dụng VssID cung cấp các thông tin về: Thẻ BHYT, quá trình tham gia BHXH, BHTN, BHTNLĐ-BNN, BHYT; thông tin hưởng các chế độ BHXH (một lần, ốm đau, thai sản, TNLĐ – BNN); lịch sử khám, chữa bệnh BHYT; tra cứu mã số BHXH... và nhiều tiện ích khác.

Còn để biết được mã số thông tin của mình có nhiều cách, nhanh nhất là nhìn dãy số trên thẻ BHYT. 10 ký tự cuối trong dãy 15 ký tự là mã thẻ. Còn sắp tới thẻ BHYT triển khai từ năm 2021 sẽ có 10 ký tự, tất cả các loại thẻ, sổ chỉ sử dụng duy nhất một mã số BHXH. Có thể nhìn số BHXH trên mã thẻ BHYT, hoặc tra cứu trên cổng thông tin của BHXH Việt Nam. Cách cuối cùng, có thể gọi điện đến tổng đài 1900 9068 để được hỗ trợ.

HỎI ĐÁP

5. Hỏi:

Điểm d Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/9/2019 của Bộ Xây dựng có quy định:

"d) - Bảo hiểm công trình (bắt buộc) trong thời gian xây dựng".

Nội dung trên có thể hiểu thành 2 nghĩa:

Chỉ có những công trình thuộc trường hợp bắt buộc mua bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng thì tổng mức đầu tư mới tính đến chi phí bảo hiểm công trình.

Bắt buộc phải tính chi phí bảo hiểm trong tổng mức đầu tư với mọi loại công trình không phân biệt có thuộc trường hợp bắt buộc mua hay không mua.

Đề nghị Bộ Xây dựng giải thích thêm về nội dung nêu trên.

Trả lời:

Bộ Xây dựng trả lời vấn đề này như sau:

Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng đã có quy định rõ đối tượng phải mua bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng.

Theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 119/2015/NĐ-CP thì phí bảo hiểm bắt buộc đối với công trình trong thời gian xây dựng được tính vào tổng mức đầu tư xây dựng.

Đồng thời, theo pháp luật về quản lý chi phí trong đầu tư xây dựng thì phí bảo hiểm công trình (bắt buộc) trong thời gian xây dựng cũng được phép tính vào tổng mức đầu tư xây dựng của dự án.

Như vậy, chi phí bảo hiểm công trình (bắt buộc) trong thời gian xây dựng thuộc chi phí khác trong tổng mức đầu tư là chi phí bắt buộc đối với những công trình thuộc đối tượng phải mua bảo hiểm bắt buộc quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 119/2015/NĐ-CP.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân không thuộc đối tượng phải tham gia bảo hiểm bắt buộc theo quy định tại Nghị định này mua bảo hiểm đối với các hoạt động trong đầu tư xây dựng trên cơ sở thỏa thuận với doanh nghiệp bảo hiểm và phù hợp với các quy định pháp luật liên quan.

HỎI ĐÁP

6. Hỏi:

Tôi xin hỏi Quý Bộ khi chủ đầu tư thay đổi thiết kế mỗi nôi công tròn bê tông cốt thép từ gioăng cao su sang bao tải tấm nhựa đường thì có phải trình Sở Xây dựng thẩm định về việc thay đổi thiết kế này không?

Chủ đầu tư tự quyết định thay đổi mà không cần cơ quan chuyên môn thẩm định có được không?

**Trả lời:**

Bộ Xây dựng trả lời vấn đề này như sau:

Tại Điều 17 Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/9/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình quy định:

“Điều 17. Điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình

1. Các trường hợp điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Xây dựng và Điều 11 của Nghị định số 32/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

2. Người quyết định đầu tư quyết định việc điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình khi việc điều chỉnh này dẫn đến phải điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng. Các trường hợp điều chỉnh khác do chủ đầu tư tự quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh của mình. Chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo người quyết định đầu tư về nội dung điều chỉnh thiết kế xây dựng do mình quyết định thực hiện.

3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh trong các trường hợp:

(còn tiếp)

HỎI ĐÁP

6. Hỏi:

Tôi xin hỏi Quý Bộ khi chủ đầu tư thay đổi thiết kế mỗi nối công tròn bê tông cốt thép từ gioăng cao su sang bao tải tấm nhựa đường thì có phải trình Sở Xây dựng thẩm định về việc thay đổi thiết kế này không?

Chủ đầu tư tự quyết định thay đổi mà không cần cơ quan chuyên môn thẩm định có được không?

Trả lời: (tiếp)

a) Điều chỉnh thiết kế xây dựng do có thay đổi về địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu sử dụng cho kết cấu chịu lực (trừ trường hợp làm tăng tính an toàn cho công trình) và biện pháp tổ chức thi công có ảnh hưởng đến an toàn chịu lực của công trình;

b) Điều chỉnh dự toán xây dựng công trình do việc điều chỉnh dẫn đến làm vượt tổng mức đầu tư hoặc vượt dự toán xây dựng công trình đã được người quyết định đầu tư phê duyệt.

4. Đối với thiết kế, dự toán xây dựng công trình điều chỉnh thuộc thẩm quyền quyết định của chủ đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều này và không thuộc trường hợp phải thẩm định theo quy định tại Khoản 3 Điều này, trong trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định làm cơ sở để xem xét, phê duyệt.

5. Việc phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình điều chỉnh của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư gồm những nội dung được điều chỉnh hoặc toàn bộ nội dung của thiết kế, dự toán xây dựng công trình sau khi điều chỉnh. Người quyết định đầu tư, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh do mình quyết định điều chỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều này”.

HỎI ĐÁP

7. Hỏi:

Đề nghị cơ quan chức năng hướng dẫn tình huống như sau:

Ban quản lý dự án A (ban quản lý dự án chuyên ngành hoặc khu vực) được giao làm chủ đầu tư 1 dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước. Phần nội dung công việc như: Giám sát thi công xây dựng... giao cho các tổ, đội, cá nhân thuộc ban quản lý dự án A thực hiện (bảo đảm năng lực theo quy định).

Cho tôi hỏi, khi lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án thì các nội dung công việc này đưa vào "Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu" hay đưa vào "Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu" với hình thức lựa chọn nhà thầu là tự thực hiện?

Trả lời:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả lời vấn đề này như sau:

Điều 25 Luật Đấu thầu quy định tự thực hiện được áp dụng đối với gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm trong trường hợp tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng gói thầu có năng lực kỹ thuật, tài chính và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu.

Điều 61 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện áp dụng hình thức tự thực hiện bao gồm:

- Có chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh phù hợp với yêu cầu của gói thầu;
- Phải chứng minh và thể hiện trong phương án tự thực hiện về khả năng huy động nhân sự, máy móc, thiết bị đáp ứng yêu cầu về tiến độ thực hiện gói thầu;
- Đơn vị được giao thực hiện gói thầu không được chuyển nhượng khối lượng công việc với tổng số tiền từ 10% giá gói thầu trở lên hoặc dưới 10% giá gói thầu nhưng trên 50 tỷ đồng.

Theo đó, đối với gói thầu tư vấn giám sát, việc áp dụng hình thức tự thực hiện phải đáp ứng quy định nêu trên.

HỎI ĐÁP

8. Hỏi:

Kính nhờ BTC giải đáp vướng mắc liên quan đến thuế nhà thầu nước ngoài theo thông tư 103/2014/TT-BTC chi tiết như sau:

Máy cắt của công ty chúng tôi bị hỏng cần nhà thầu nước ngoài sang sửa chữa. Tuy nhiên do dịch bệnh Covid-19 các kỹ sư nước ngoài không sang Việt Nam được. Theo đó, chúng tôi phải gửi máy (tái xuất) máy cắt này sang nước ngoài để sửa chữa, sau đó sẽ (tái nhập) máy về Việt Nam. Chúng tôi phải trả nhà thầu nước ngoài một khoản phí sửa chữa máy trên. Hỏi: Chi phí sửa máy trên có thuộc đối tượng phải chịu thuế nhà thầu nước ngoài không?

Trả lời:

Tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính quy định về đối tượng không áp dụng như sau:

“4. Tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện cung cấp dịch vụ dưới đây cho tổ chức, cá nhân Việt Nam mà các dịch vụ được thực hiện ở nước ngoài:

- Sửa chữa phương tiện vận tải (tàu bay, động cơ tàu bay, phụ tùng tàu bay, tàu biển), máy móc, thiết bị (kể cả đường cáp biển, thiết bị truyền dẫn), có bao gồm hoặc không bao gồm vật tư, thiết bị thay thế kèm theo;

- Quảng cáo, tiếp thị (trừ quảng cáo, tiếp thị trên internet);

Ví dụ 6: DN Việt Nam ký hợp đồng với tổ chức ở Singapore để thực hiện dịch vụ quảng cáo sản phẩm tại thị trường Singapore thì dịch vụ quảng cáo này không thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư. Trường hợp tổ chức ở Singapore thực hiện quảng cáo sản phẩm đề tiêu thụ tại thị trường Việt Nam trên internet thì thu nhập từ dịch vụ quảng cáo này thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư.

- Xúc tiến đầu tư và thương mại;

- Môi giới: bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài;...”

Vậy, trường hợp Công ty của độc giả gửi máy cắt bị hỏng ra nước ngoài để sửa chữa và dịch vụ sửa chữa máy móc, thiết bị này được thực hiện tại nước ngoài thì thuộc đối tượng không chịu thuế nhà thầu theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 103/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

HỎI ĐÁP

9. Hỏi:

Xin hỏi: Đơn vị tôi có tiếp đón khách nước ngoài vào làm việc (đoàn vào) và dự kiến tổ chức cho khách tham quan tại Hạ Long.

Tôi có nghiên cứu TT 71/2018/TT-BTC tại Điều 14 có quy định "mức chi đưa đón khách từ nơi ở chính đến điểm tham quan, chi ăn, nghỉ cho khách trong những ngày đi tham quan theo các mức chi quy định tại Khoản 2 Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Thông tư này và được áp dụng cho cả cán bộ phía Việt Nam tham gia đưa đoàn đi tham quan". Theo như tôi đang hiểu thì quy định này chỉ được chi các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 ngoài ra các khoản chi khác ví dụ như vé thắng cảnh, thuê hướng dẫn viên giới thiệu thắng cảnh, thuê thuyền hoặc cano cho khách thăm quan thắng cảnh...thì có được chi không ạ. Rất mong nhận được câu trả lời của Bộ Tài chính!

Trả lời:

Căn cứ Điều 14 Thông tư 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài chính quy định:

“Điều 14. Chi đưa khách đi tham quan

1. Căn cứ tính chất công việc, yêu cầu đối ngoại của từng đoàn khách, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm đón đoàn quyết định trong kế hoạch đón đoàn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, việc đưa khách đi tham quan trên tinh thần tiết kiệm, không phô trương hình thức.

2. Mức chi đưa đón khách từ nơi ở chính đến điểm tham quan, chi ăn, nghỉ cho khách trong những ngày đi tham quan theo các mức chi quy định tại Khoản 2 Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Thông tư này và được áp dụng cho cả cán bộ phía Việt Nam tham gia đưa đoàn đi tham quan. Số lượng cán bộ Việt Nam tham gia đoàn do thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì đón đoàn phê duyệt”.

Theo đó, căn cứ tính chất công việc, yêu cầu đối ngoại của từng đoàn khách, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm đón đoàn quyết định trong kế hoạch đón đoàn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, việc đưa khách đi tham quan trên tinh thần tiết kiệm, không phô trương hình thức. Đối với mức chi đưa đón khách từ nơi ở chính đến điểm tham quan, chi ăn, nghỉ cho khách trong những ngày đi tham quan thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 14 nêu trên.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

1. Công văn số: 104474/CTHN-TTHT ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc chính sách thuế nhà thầu.

Trả lời công văn số 2294/ĐHYHN-TCKT ngày 12/10/2020 của Trường Đại học Y Hà Nội hỏi về chính sách thuế nhà thầu, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Căn cứ Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam, Cục Thuế TP Hà Nội hướng dẫn như sau:

Trường hợp các tổ chức nước ngoài (nhà thầu nước ngoài) có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận hoặc cam kết giữa nhà thầu nước ngoài với trường Đại học Y Hà Nội để thực hiện một phần công việc của Dự án "Nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu về bệnh không lây nhiễm ở Việt Nam" thì thuộc đối tượng áp dụng thuế nhà thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư 103/2013/TT-BTC. Trường hợp nhà thầu nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện để trực tiếp kê khai thuế tại Việt Nam theo quy định nêu tại Điều 8 Thông tư 103/2013/TT-BTC thì Trường Đại học Y Hà Nội có trách nhiệm khấu trừ thuế trước khi chi trả thu nhập cho nhà thầu nước ngoài và kê khai, nộp thay thuế GTGT, thuế TNDN cho nhà thầu nước ngoài theo hướng dẫn tại Điều 5, Điều 12 và Điều 13 Thông tư 103/2013/TT-BTC.

2. Công văn số: 104478/CTHN-TTHT ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc lập chứng từ đối với khoản thu bồi thường bằng tiền.

Trả lời công văn số 910/CV-RRC2020 nhận ngày 19/11/2020 của Công ty TNHH du lịch và thương mại Sông Hồng (sau đây gọi tắt là "Công ty") hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ khoản 1, điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT quy định về các trường hợp không phải kê khai tính nộp thuế GTGT.

Căn cứ quy định nêu trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Về chính sách thuế: Trường hợp Công ty nhận các khoản thu về bồi thường bằng tiền thì Công ty không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT đối với khoản thu này và lập chứng từ thu theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC nêu trên.

- Về nội dung liên quan đến hạch toán khoản thu được do phạt khách hàng vi phạm hợp đồng không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thuế, đề nghị Công ty liên hệ Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán để được hướng dẫn.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty TNHH du lịch và thương mại Sông Hồng được biết./.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

3. Công văn số: 105209/CTHN-TTHT ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc chính sách thuế TNCN đối với cá nhân hợp tác kinh doanh.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 405/CV-ĐXMB/PKT ngày 25/9/2020 của Công ty Cổ phần Dịch Vụ và Địa ốc Đất Xanh Miền Bắc hỏi về chính sách thuế thu nhập cá nhân. Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Điều 6, Điều 7 Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005.
- Căn cứ Điều 5 Thông tư 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính.
- Căn cứ Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính.
- Căn cứ điểm a Khoản 7 Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính.

Căn cứ các hướng dẫn nêu trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Trường hợp cá nhân có phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh thì phải đăng ký thuế theo hướng dẫn tại Thông tư 95/2016/TT-BTC; kê khai, nộp thuế theo quy định tại Thông tư 92/2015/TT-BTC và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Trường hợp Công ty và nhà đầu tư cá nhân tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật và phân chia kết quả bằng doanh thu, thì khi cung cấp dịch vụ

cho khách hàng theo hợp đồng Công ty có trách nhiệm xuất hóa đơn, ghi nhận doanh thu, xác định thu nhập tính thuế TNDN theo quy định.

- Khi chia lại doanh thu cho cá nhân theo hợp đồng hợp tác kinh doanh, Công ty lập chứng từ chi, đối với thu nhập từ kinh doanh cá nhân nhận được cá nhân có trách nhiệm tự kê khai, nộp thuế nộp thuế GTGT, TNCN theo tỷ lệ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư 92/2015/TT-BTC hoặc cá nhân ủy quyền cho Công ty khai và nộp thuế thay theo hướng dẫn tại Điều 6, Điều 7 Thông tư số 92/2015/TT-BTC nêu trên.

Đề nghị Công ty căn cứ tình hình thực tế, bản chất hoạt động, hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty và cá nhân để xác định đúng nghĩa vụ thuế của các bên theo quy định của pháp luật.

Nội dung vướng mắc về hạch toán kế toán doanh thu bán sản phẩm không thuộc thẩm quyền của Cục Thuế TP Hà Nội, đề nghị Công ty liên hệ với cơ quan có thẩm quyền (Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán - Bộ Tài chính) để được hướng dẫn cụ thể.

Từ ngày 05/12/2020, Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 có hiệu lực thi hành. Công ty nghiên cứu các quy định có liên quan để thực hiện.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

4. Công văn số: 107998/CTHN-TTHT ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc kê khai thuế của đơn vị phụ thuộc có thu nhập được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

Trả lời công văn số 158/CV-DBG đề ngày 13/11/2020 của Công ty TNHH Đại Bắc (sau đây gọi tắt là Công ty) hỏi về kê khai thuế đối với nhà máy sản xuất hạch toán phụ thuộc tại địa bàn khác tỉnh với trụ sở chính, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội:
- Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế:
- Căn cứ Điều 22 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty (trụ sở chính tại Hà Nội) có thành lập đơn vị phụ thuộc là Nhà máy sản xuất được mỹ phẩm tại tỉnh Hưng Yên, nhà máy đi vào hoạt động từ quý 4 năm 2020 thì việc kê khai, nộp các loại thuế phát sinh của đơn vị phụ thuộc từ quý 4 năm 2020 được thực hiện theo quy định tại Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội (có hiệu lực

thi hành kể từ ngày 01/7/2020), Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ (có hiệu lực thi hành từ ngày 05/12/2020).

Từ ngày 05/12/2020 (ngày Nghị định số 126/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành), trường hợp đơn vị phụ thuộc có thu nhập được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp thì đơn vị phụ thuộc khai thuế TNDN tại cơ quan thuế nơi có đơn vị phụ thuộc (tỉnh Hưng Yên) theo quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Về thủ tục thực hiện ưu đãi thuế TNDN: Đơn vị tự xác định các điều kiện ưu đãi thuế, mức thuế suất ưu đãi, thời gian miễn thuế, giảm thuế, số lỗ được trừ (-) vào thu nhập tính thuế để tự kê khai và tự quyết toán thuế với cơ quan thuế theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.

Cục thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty TNHH Đại Bắc biết và thực hiện./.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

5. Công văn số: 109323/CTHN-TTHT ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc chính sách thuế đối với DNCX thanh lý TSCĐ.

Trả lời công văn số 201112/CV-YTV ngày 12/11/2020 của Công ty TNHH Công nghệ điện tử Yan Tin (Việt Nam) (sau đây gọi là Công ty) hỏi về chính sách thuế đối với doanh nghiệp chế xuất (DNCX) thanh lý tài sản cố định, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp Công ty là Doanh nghiệp chế xuất thực hiện thanh lý tài sản cố định theo hình thức bán vào thị trường nội địa thì Công ty được lựa chọn thực hiện theo quy định tại Điều 79 hoặc Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC (xuất khẩu tại chỗ) cụ thể:

- Trường hợp thực hiện theo Điều 79 Thông tư số 38/2015/TT-BTC thì khi bán vào nội địa Công ty liên hệ với cơ quan thuế nội địa cấp 01 hóa đơn lẻ GTGT (theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 39/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính). Công ty sử dụng hóa đơn GTGT lẻ để xuất bán máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển được xác định bằng (=) số thuế GTGT ghi trên hóa đơn bán lẻ thanh lý máy móc, thiết bị phương tiện vận chuyển trừ (-) số thuế GTGT nộp ở khâu nhập khẩu khi chuyển đổi mục đích sử dụng;
- Trường hợp thực hiện theo Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC thì Công ty phải có văn bản nêu rõ lý do thanh lý, hình thức thanh lý, biện pháp thanh lý, lượng

hàng cần thanh lý gửi Chi cục Hải quan quản lý DNCX và đăng ký tờ khai theo loại hình tương ứng, doanh nghiệp nội địa sẽ làm thủ tục nhập khẩu, nộp các loại thuế theo quy định. Tại thời điểm bán, thanh lý vào thị trường nội địa không áp dụng chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trừ trường hợp hàng hóa thuộc diện quản lý theo điều kiện, tiêu chuẩn, kiểm tra chuyên ngành chưa thực hiện khi nhập khẩu; hàng hóa quản lý bằng giấy phép thì được cơ quan cấp phép nhập khẩu đồng ý bằng văn bản.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời đề Công ty TNHH Công nghệ điện tử Yan Tin (Việt Nam) được biết và thực hiện.

6. Công văn số 110283/CTHT-TTHT ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc chính sách thuế nhà thầu đối với hợp đồng bán máy móc thiết bị kèm phần mềm.

Trả lời công văn số 001-2011/ACVN đề ngày 17/11/2020 của Công ty TNHH Anritsu hỏi về chính sách thuế, Cục thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ khoản 21 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ.
- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Nhà thầu nước ngoài phát sinh thu nhập tại Việt Nam từ cung cấp máy móc và bản quyền phần mềm trên cơ sở hợp đồng nhà thầu ký với Công ty TNHH Anritsu thì nhà thầu nước ngoài thuộc đối tượng áp dụng thuế nhà thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Chương I Thông tư số 103/2014/TT-BTC. Nếu Nhà thầu nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện để kê khai thuế trực tiếp tại Việt Nam theo quy định tại Điều 8, Mục 2, Chương II Thông tư số 103/2014/TT-BTC thì Công ty TNHH Anritsu (bên mua hàng tại Việt Nam) có trách nhiệm kê khai, nộp thay thuế cho Nhà thầu nước ngoài theo hướng dẫn tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 Mục 3 Chương II Thông tư số 103/2014/TT-BTC. Trường hợp hợp đồng có tách riêng được giá trị máy móc và giá trị bản quyền phần mềm thì tỷ lệ thuế GTGT, TNDN tính trên doanh thu được xác định như sau:

- Về thuế GTGT:

+ Phần mềm máy tính là đối tượng không chịu thuế GTGT.

+ Máy móc thiết bị (không đi kèm các dịch vụ thực hiện tại Việt Nam): chỉ phải nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu.

- Về thuế TNDN:

+ Đối với thu nhập từ bản quyền phần mềm: Tỷ lệ % thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế là 10%.

+ Đối với máy móc thiết bị (không đi kèm dịch vụ được thực hiện tại Việt Nam): Tỷ lệ % thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế là 1%.

7. Công văn số 110280/CTHT-TTHT ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc thanh toán bù trừ công nợ với bên thứ ba.

Trả lời công văn số 5603/PTI-TCKT đề ngày 7/12/2020 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm bưu điện hỏi về chính sách thuế, Cục thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ.

- Căn cứ quy định tại Điều 1 Thông tư số 173/2016/TT-BTC ngày 28/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khổ thứ nhất Khoản 3 Điều 15 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Tổng Công ty thực hiện phương thức thanh toán bù trừ công nợ qua bên thứ ba thì để được khấu trừ thuế GTGT đầu vào của dịch vụ mua vào (dịch vụ sửa chữa cho các xe được bảo hiểm của Tổng Công ty), Tổng Công ty phải đáp ứng điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào quy định tại Điều 15 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013. Đối với trường hợp thanh toán không dùng tiền mặt, đơn vị thực hiện bù trừ công nợ qua bên thứ ba thì phải có biên bản bù trừ công nợ của ba (3) bên làm căn cứ khấu trừ thuế.

KIẾN THỨC PHÁP LUẬT

- 
- 
- | | |
|----|--|
| 20 | Lương đóng bảo hiểm xã hội: 5 thông tin cần biết. |
| 21 | Quy định mới về tạm nộp thuế TNDN từ 2021 theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP. |
| 23 | Cách hoàn thiện một số nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh về miễn giảm Thuế GTGT và Thuế TNDN. |
| 27 | Quyết toán thuế cần chuẩn bị những gì? Những kinh nghiệm và lưu ý khi quyết toán thuế |

Lương đóng bảo hiểm xã hội: 5 thông tin cần biết.

Mức lương đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) quyết định trực tiếp đến mức hưởng các chế độ BHXH của người lao động (NLĐ) như: chế độ thai sản; chế độ ốm đau; chế độ hưu trí... Thế nhưng, vẫn có 1 số câu hỏi đặt ra xung quanh vấn đề này như sau:

1. Lương đóng BHXH có phải là lương thực nhận?

NLĐ được người sử dụng lao động trả cho mức lương 6 triệu đ/tháng; 10 triệu đ/tháng... và cho rằng đó cũng chính là mức lương đóng BHXH của mình.

Sự thật không phải thế. Lương đóng BHXH không phải là lương mà NLĐ được nhận hàng tháng, trong mọi trường hợp. Đây là một mức lương do người sử dụng lao động quyết định, đảm bảo không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng và không cao hơn 20 lần lương cơ sở.

2. Đóng BHXH toàn bộ lương có được không?

Đặc biệt các doanh nghiệp nước ngoài nhằm giữ chân nhân viên đã sẵn sàng đóng BHXH theo mức lương thực tế của người đó. Và dĩ nhiên, mức lương đóng BHXH càng cao thì mức hưởng các chế độ cũng càng cao. Tuy nhiên, dù đóng BHXH cho NLĐ toàn bộ lương, nhưng mức đóng này vẫn bị khống chế là “không được cao hơn 20 lần mức lương cơ sở” (khoản 3 Điều 6 Quyết định 595/QĐ-BHXH).

Mức lương cơ sở hiện nay là 1,49 triệu đ/tháng. Do đó, mức lương đóng BHXH chỉ tối đa là 29,8 triệu đ/tháng.

3. Tiền lương đóng BHXH không chỉ bao gồm lương?

Khoản 1 Điều 30 Thông tư 59/2015/TT-BLĐTBXH quy định: Tiền lương tháng đóng BHXH của NLĐ bao gồm mức lương, phụ cấp lương (phụ cấp trách nhiệm; phụ cấp thâm niên; phụ cấp thu hút; phụ cấp chức vụ, chức danh...); Các khoản bổ sung khác.

Như vậy, tiền lương đóng BHXH không chỉ bao gồm lương mà còn gồm phụ cấp và các khoản bổ sung khác.

4. Lương đóng BHXH có phải là lương cơ bản?

Hiện nay, theo các văn bản hiện hành, không tồn tại khái niệm “lương cơ bản”. Đây là cách gọi thông thường của nhiều NLĐ. Trong đó, có nhiều người cho rằng lương cơ bản chính là mức lương đóng BHXH.

Tuy nhiên, như phân tích ở mục 4., lương đóng BHXH không chỉ bao gồm tiền lương mà còn bao gồm các khoản phụ cấp và các khoản bổ sung khác. Trong khi đó, lương cơ bản được hiểu là mức lương thấp nhất mà NLĐ nhận được, không bao gồm phụ cấp, tiền thưởng, phúc lợi và các khoản thu nhập bổ sung khác.

5. Đóng BHXH tự nguyện dựa trên mức lương nào?

Thực tế, việc đóng BHXH tự nguyện không dựa trên mức lương, mà chính xác hơn là dựa trên mức thu nhập của người tham gia.

Theo khoản 1 Điều 10 Quyết định 595/QĐ-BHXH, mức đóng BHXH tự nguyện hàng tháng của người tham gia là 22% mức thu nhập.

Trong đó, mức thu nhập do người tham gia tự lựa chọn, nhưng tối thiểu bằng mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn (700.000 đồng/người/tháng) và tối đa bằng 20 lần mức lương cơ sở (tương ứng 29,8 triệu đồng/tháng).

Quy định mới về tạm nộp thuế TNDN từ 2021 theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP.

Nghị định 126/2020/NĐ-CP quy định một số nội dung mới về việc tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế TNDN) áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2021.

Cụ thể, đối với Thuế TNDN (trừ thuế TNDN từ chuyển nhượng vốn của nhà thầu nước ngoài; thuế thu nhập doanh nghiệp kê khai theo phương pháp tỷ lệ trên doanh thu theo từng lần phát sinh hoặc theo tháng) thực hiện tạm nộp như sau:

- Người nộp thuế phải tự xác định số thuế TNDN tạm nộp quý (bao gồm cả tạm phân bổ số thuế TNDN cho địa bàn cấp tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh, nơi có bất động sản chuyển nhượng khác với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính); Và được trừ số thuế đã tạm nộp với số phải nộp theo quyết toán thuế năm.
- Người nộp thuế thuộc diện lập báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về kế toán căn cứ vào báo cáo tài chính quý và các quy định của pháp luật về thuế để xác định số thuế TNDN tạm nộp quý.

- Người nộp thuế không thuộc diện lập báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về kế toán căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh quý và các quy định của pháp luật về thuế để xác định số thuế TNDN tạm nộp quý.

- Tổng số thuế TNDN đã tạm nộp của 03 quý đầu năm tính thuế không được thấp hơn 75% số thuế TNDN phải nộp theo quyết toán năm.

Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 03 quý đầu năm thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế TNDN quý 03 đến ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước (Quy định mới).

- Người nộp thuế có thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng hoặc cho thuê mua, có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ phù hợp với quy định của pháp luật thì thực hiện tạm nộp thuế TNDN theo quý theo tỷ lệ 1% trên số tiền thu được.

Trường hợp chưa bàn giao cơ sở hạ tầng, nhà và chưa tính vào doanh thu tính thuế TNDN trong năm thì người nộp thuế không tổng hợp vào hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN năm mà tổng hợp vào hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập.

Ngoài ra, đối với thuế thu nhập doanh nghiệp của hãng vận tải nước ngoài tạm nộp quý và khai quyết toán năm thì:

- Tổng số thuế TNDN đã tạm nộp của 03 quý đầu năm tính thuế không được thấp hơn 75% số thuế TNDN phải nộp theo quyết toán năm.

- Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 03 quý đầu năm thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế TNDN quý 03 đến ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước.

Cách hoàn thiện một số nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh về miễn giảm Thuế GTGT và Thuế TNDN.

Đối với những nghiệp vụ kinh tế phát sinh khác liên quan đến Thuế GTGT và Thuế TNDN không đề cập trong bài viết này thì hạch toán theo hướng dẫn của chế độ kế toán hiện hành.

Đồng thời qua khảo sát trực tiếp tại các Doanh nghiệp nhỏ và vừa có phát sinh Thuế TNDN và Thuế GTGT được miễn giảm trong thời gian qua. Nghiệp vụ này được các Doanh nghiệp hạch toán theo các bước sau:

I. Tài khoản sử dụng

1. Tài khoản 133 – Thuế GTGT được khấu trừ, có 2 tài khoản cấp 2:

– Tài khoản 1331 – Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ: Phản ánh Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua ngoài dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu Thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế.

– Tài khoản 1332 – Thuế GTGT được khấu trừ của Tài sản cố định: Phản ánh thuế GTGT đầu vào của quá trình đầu tư, mua sắm Tài sản cố định, bất động sản đầu tư dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu Thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế.

2. Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp nhà nước; Có 9 tài khoản cấp 2, gồm:

– Tài khoản 3331 – Thuế GTGT phải nộp. Tài khoản này lại có 2 tài khoản cấp 3 là: Tài khoản 33311 – Thuế GTGT đầu ra và Tài khoản 33312 – Thuế GTGT hàng nhập khẩu.

– Tài khoản 3332 – Thuế tiêu thụ đặc biệt.

– Tài khoản 3333 – Thuế xuất, nhập khẩu.

– Tài khoản 3334 – Thuế TNDN.

– Tài khoản 3335 – Thuế thu nhập cá nhân.

– Tài khoản 3336 – Thuế tài nguyên.

– Tài khoản 3337 – Thuế nhà đất, tiền thuê đất.

- Tài khoản 3338 – Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác. Tài khoản này lại có 2 tài khoản cấp 3 là: Tài khoản 33381 – Thuế bảo vệ môi trường và Tài khoản 33382 – Các loại thuế khác.
- Tài khoản 3339 – Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác.
- Tài khoản 711 – Thu nhập khác: Phản ánh các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

II. Định khoản kế toán

1. Nếu DN nhận được quyết định miễn giảm thuế trước kỳ tính thuế: Không hạch toán thuế phải nộp phát sinh.

2. Thuế GTGT phát sinh phải nộp, ghi:

Nợ TK 111, 112, 131, 136,...

Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

3. Thuế TNDN phát sinh phải nộp, ghi:

Nợ TK 821 – Chi phí Thuế TNDN

Có TK 3334 – Thuế TNDN phải nộp

4. Nếu DN nhận được quyết định miễn giảm thuế sau kỳ tính thuế phải nộp (Đã ghi sổ kế toán) thì:

4a. Nhận được quyết định miễn giảm thuế: Không định khoản.

4b. Khi xử lý số thuế được miễn giảm, có 2 cách xử lý:

4b1. Nếu DN chưa nộp vào ngân sách thì hạch toán trừ ngay số thuế được miễn giảm vào số thuế phải nộp, ghi:

Nợ TK 333 (TK 3331, 3334,... chi tiết theo loại thuế phải nộp)

Có TK 711 (Tăng thu nhập khác)

4b2. Nếu DN đã nộp vào ngân sách rồi thì chờ đến khi nhận được tiền, ghi:

Nợ TK 111, 112

Có TK 711 (Tăng thu nhập khác)

III. Hoàn thiện kế toán nghiệp vụ miễn giảm Thuế GTGT và Thuế TNDN

1. Tính và hạch toán Thuế GTGT và Thuế TNDN phải nộp

– Thuế GTGT phải nộp, ghi:

Nợ TK 111, 112, 131, 136,...

Có 333(TK 3331) – Thuế GTGT phải nộp

– Thuế TNDN tạm nộp, phải nộp bổ sung, ghi:

Nợ TK 821 – Chi phí Thuế TNDN

Có TK 333 (TK 3334) – Thuế TNDN phải nộp

2. Trường hợp Doanh nghiệp nhận được quyết định miễn giảm Thuế GTGT và thuế TNDN trước khi tính và hạch toán thuế: Không tính và hạch toán Thuế GTGT và Thuế TNDN phải nộp.

3. Trường hợp Doanh nghiệp mới chỉ tính và hạch toán số thuế phải nộp (Ghi có TK 3331, 3334,...), nhưng chưa nộp vào ngân sách thì hạch toán số Thuế GTGT, Thuế TNDN được miễn giảm trừ ngay vào số thuế phải nộp và ghi tăng thu nhập khác trong kỳ, ghi:

– Ghi giảm Thuế GTGT tăng thu nhập khác, ghi:

Nợ TK 333 (TK 3331) – Thuế GTGT phải nộp

Có TK 711 – Thu nhập khác

– Ghi giảm Thuế TNDN tăng thu nhập khác, ghi:

Nợ TK 333 (TK 3334) – Thuế TNDN

Có TK 711 – Thu nhập khác

– Nếu Doanh nghiệp đã nộp thuế vào ngân sách thì ghi tăng thu nhập trong kỳ và ghi tăng phải thu khác:

Nợ TK 1388 (Chi tiết theo loại thuế được miễn giảm phải thu)

Có TK 711 – Thu nhập khác

– Khi Doanh nghiệp nhận được tiền thuế được miễn giảm, ghi:

Nợ TK 111, 112

Có TK 1388 (Chi tiết theo loại thuế được miễn giảm phải thu)

– Trường hợp Doanh nghiệp không thoái thu mà để số thuế được miễn giảm đã nộp này trừ vào số thuế phải nộp của các kỳ tiếp theo thì sau khi tính ra số thuế phải nộp ở kỳ đó, ghi:

Nợ TK 333 (TK 3331, 3334,...) (Giảm thuế phải nộp)

Có TK 1388 (Chi tiết theo loại thuế được miễn giảm phải thu)

*** Kết luận:**

– Thông qua quá trình liên tục nghiên cứu từ hệ thống các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn hiện hành liên quan đến chính sách Thuế GTGT, Thuế TNDN và chế độ kế toán Doanh nghiệp hiện hành, đến việc khảo sát thực tế công tác kế toán các Doanh nghiệp nhỏ và vừa

=> Kết quả thu được cho mục tiêu nghiên cứu cụ thể như sau: Việc sử dụng Tài khoản chi tiết 1388 vẫn đảm bảo nguyên tắc của kế toán vì Tài khoản 1388 là Tài khoản chi tiết của Tài khoản 138 nên Tài khoản này phản ánh số phải thu từ việc được miễn giảm thuế là phù hợp. Trong khi đó, việc hạch toán nêu trên giúp phân định được các khoản: Thuế GTGT và Thuế TNDN được miễn giảm với Thuế GTGT và Thuế TNDN nộp dư.

Đồng thời, giúp cho công tác lập báo cáo Thuế GTGT, Thuế TNDN không bị nhầm lẫn giữa các khoản thuế với nhau. Điều này cũng đồng nghĩa giúp tránh tình trạng thất thu thuế hoặc mất thời gian của cơ quan quản lý nhà nước trong việc thanh tra, xử lý vấn đề miễn giảm thuế cho Doanh nghiệp.

– Hạch toán nêu trên giúp phân định được các khoản: Thuế GTGT và Thuế TNDN được miễn giảm với Thuế GTGT và Thuế TNDN nộp dư. Đồng thời, giúp cho công tác lập Báo cáo thuế GTGT, Thuế TNDN không bị nhầm lẫn giữa các khoản thuế với nhau. Qua đó, giúp tránh tình trạng thất thu thuế hoặc mất thời gian của cơ quan quản lý nhà nước trong thanh tra, xử lý miễn giảm thuế cho Doanh nghiệp.

Quyết toán thuế cần chuẩn bị những gì? Những kinh nghiệm và lưu ý khi quyết toán thuế.

Quyết toán thuế cần chuẩn bị những gì là băn khoăn và thắc mắc của nhiều kế toán doanh nghiệp hiện nay, đặc biệt là kế toán các doanh nghiệp mới thành lập. Bài viết dưới đây sẽ tổng hợp những kinh nghiệm và lưu ý trước khi quyết toán thuế năm 2020.

1. Hồ sơ cần chuẩn bị khi quyết toán thuế

Để quyết toán thuế, doanh nghiệp cần chuẩn bị hồ sơ, chứng từ quyết toán thuế dưới đây:

DANH MỤC HỒ SƠ

Hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp

- Đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư;
- Chứng minh thư, hộ chiếu người đại diện pháp luật
- Điều lệ công ty;
- Quy chế tài chính, quy chế lương thưởng của công ty;
- Đăng ký phương pháp khấu hao TSCĐ với cơ quan thuế;
- Kết quả đăng ký tài khoản ngân hàng.

Hồ sơ khai thuế

- Tờ khai thuế giá trị gia tăng;
- Tờ khai thuế vãng lai, thuế nhà thầu...;
- Bảng kê hóa đơn hàng hóa, dịch vụ mua vào bán ra;
- Thông báo phát hành, Hợp đồng đặt in hóa đơn;
- Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn;
- Báo cáo tài chính;
- Quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Quyết toán thuế thu nhập cá nhân.

Hồ sơ công nợ

- Hợp đồng kinh tế đầu vào, đầu ra;
- Phụ lục hợp đồng kinh tế;
- Biên bản đối chiếu công nợ.

Hồ sơ vay nợ

- Hợp đồng vay;
- Chứng từ thanh toán nợ gốc, lãi vay...

DANH MỤC HỒ SƠ

Hồ sơ lương, thưởng, phép

- Hồ sơ của NLĐ;
- Hợp đồng lao động;
- Các quyết định bổ nhiệm, quyết định tăng lương,...
- Bảng chấm công;
- Bảng thanh toán tiền lương;
- Đăng ký giảm trừ gia cảnh;
- Bảng cam kết 02/CK-TNCN nếu có
- Giấy ủy quyền quyết toán thuế TNCN;
- Bảng đăng ký mã số thuế cá nhân cho NLĐ;
- Bảng thông báo bảo hiểm và chứng từ nộp tiền bảo hiểm.

Chứng từ kế toán

- Hóa đơn mua vào, bán ra;
- Tờ khai hải quan, giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước;
- Phiếu thu, Phiếu chi;
- Phiếu nhập kho;
- Phiếu xuất kho;
- Phiếu kế toán khác;
- Bảng kê thu mua hàng hóa không có hóa đơn 01/TNDN;
- Sổ phụ tài khoản ngân hàng.

Hồ sơ sổ sách kế toán

- Sổ nhật ký chung;
- Sổ quỹ tiền mặt;
- Sổ nhật ký mua hàng;
- Sổ nhật ký bán hàng;
- Sổ cái tài khoản: Tất cả các tài khoản phát sinh;
- Sổ chi tiết tài khoản;
- Sổ quỹ tiền mặt;
- Sổ tiền gửi ngân hàng (Chi tiết từng ngân hàng);
- Bảng trích khấu hao tài sản cố định;
- Bảng phân bổ CCDC; chi phí trả trước;
- Bảng định mức nguyên vật liệu;
- Bảng dự toán quyết toán công trình;
- Bảng chi tiết nhập xuất tồn hàng hóa;
- Sổ tổng hợp, chi tiết công nợ phải thu;
- Sổ tổng hợp, chi tiết công nợ phải trả;
- Sổ chi tiết tiền vay.

2. Những kinh nghiệm và lưu ý khi thực hiện quyết toán thuế

Quyết toán thuế cần chuẩn bị những gì? Quyết toán thuế ở đâu? Lưu ý khi quyết toán thuế là gì... Đây chính là những thắc mắc của người làm kế toán khi tiến hành quyết toán thuế. Dưới đây là những kinh nghiệm và lưu ý khi thực hiện quyết toán thuế.

2.1. Công tác sắp xếp các chứng từ gốc

- Để chuẩn bị đi quyết toán thuế, kế toán cần sắp xếp các chứng từ gốc hàng tháng theo tuần tự của bảng kê thuế đầu vào đầu ra đã in và nộp báo cáo cho cơ quan thuế hàng tháng. - Các chứng từ gốc, hóa đơn đầu vào từ tháng 1 đến tháng 12 của năm tài chính được kẹp chung với tờ khai thuế GTGT hàng tháng đã nộp cho cơ quan thuế
- Các hóa đơn bán ra phải kẹp theo phiếu thu bán ra hoặc thu tiền vào, đồng thời kẹp kèm phiếu xuất kho, hợp đồng và biên bản thanh lý nếu có
- Hóa đơn mua vào phải kẹp với phiếu chi và phiếu nhập kho, phiếu đề nghị thanh toán kèm theo hợp đồng, thanh lý. Trường hợp bán chịu cần kẹp phiếu kế toán, phiếu xuất kho kèm hợp đồng, thanh lý.
- Kẹp riêng chứng từ của các tháng khác nhau, mỗi tháng có một tập bìa đầy đủ.

2.2. Sắp xếp báo cáo đã nộp cho cơ quan thuế

Các báo cáo thường kỳ sẽ gồm:

- | | |
|-------------------------------------|--|
| • Tờ khai thuế GTGT hàng tháng | • Thuế môn bài |
| • Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn | • Thuế tiêu thụ đặc biệt |
| • Thuế xuất nhập khẩu | • Báo cáo thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính hàng quý |

Các báo cáo theo từng năm:

- | | |
|------------------------|-----------------------------------|
| • Báo cáo tài chính | • Quyết toán thuế TNCN |
| • Quyết toán thuế TNDN | • Hoàn thuế kèm theo của từng năm |

2.3. Sắp xếp các hợp đồng kinh tế

- Kế toán doanh nghiệp thực hiện sắp xếp đầy đủ theo tuần tự từng hợp đồng đầu vào/đầu ra, đồng thời thực hiện kiểm tra các biên bản, giấy tờ của từng hợp đồng nếu có.

2.4. Chuẩn bị sổ sách đã in hàng năm (theo hình thức Nhật ký chung)

- Sổ nhật ký chung
- Sổ nhật ký bán hàng
- Sổ nhật ký mua hàng
- Sổ nhật ký chi tiền
- Sổ nhật ký thu tiền
- Sổ khấu hao tài sản cố định
- Sổ khấu hao công cụ dụng cụ
- Thẻ kho/ sổ chi tiết vật tư
- Bảng tổng hợp nhập xuất tồn từng kho
- Sổ chi tiết công nợ phải thu cho tất cả các khách hàng
- Sổ chi tiết công nợ phải trả cho tất cả các nhà cung cấp
- Biên bản xác nhận công nợ từng đối tượng (nếu có) cuối năm.
- Sổ quỹ tiền mặt và sổ chi tiết ngân hàng.
- Sổ cái các tài khoản: 131, 331, 111, 112, 152, 153, 154, 155, 211, 214,...621, 622, 627, 641, 642,...Tùy theo doanh nghiệp sử dụng quyết định 48 hoặc 15.
- Sổ tổng hợp về tình hình tăng giảm tài sản cố định
- Sổ tổng hợp về tình hình tăng giảm công cụ dụng cụ

Toàn bộ chứng từ đã nhập đều phải in ra ký (đầy đủ chữ ký).

Lưu ý: số thứ tự các phiếu phải được đánh và sắp xếp tuần tự.

2.5. Hồ sơ pháp lý

- Chuẩn bị đầy đủ bản gốc và bản photo công chứng các chứng từ quyết toán thuế
- Các công văn đến và đi liên quan đến cơ quan thuế.

2.6. Kiểm tra các vấn đề liên quan khác

Kế toán tiến hành kiểm tra:

- Đối chiếu sổ chi tiết với sổ tổng hợp tài khoản
- Đối chiếu các nghiệp vụ kinh tế phát sinh so với sổ định khoản
- Đối chiếu công nợ khách hàng
- Kiểm tra các khoản phải trả
- Kiểm tra dữ liệu nhập và khai báo thuế giữa hóa đơn đầu vào – đầu ra so với bảng kê khai thuế
- Kiểm tra hồ sơ, chứng từ đã được ký đầy đủ hay chưa
- Kiểm tra định khoản các khoản phải thu và phải trả đã thực hiện đúng hay không.

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- | | |
|----|---|
| 32 | Thông tư số: 06/2020/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. |
| 33 | Nghị định số: 122/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ. |
| 34 | Nghị định số: 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ. |
| 35 | Nghị định số: 125/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ. |

Thông tư số: 06/2020/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

Trường hợp Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia gặp sự cố phải tạm ngừng cung cấp dịch vụ, các dự án đầu tư có sử dụng đất có thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trong thời gian sự cố được gia hạn như sau:

- (1) Trường hợp sự cố được khắc phục và Hệ thống bắt đầu hoạt động lại từ 0 giờ đến 12 giờ thì thời điểm hết hạn mới là 15 giờ cùng ngày, trừ trường hợp tại mục 3 dưới đây;
- (2) Trường hợp sự cố được khắc phục và Hệ thống bắt đầu hoạt động lại từ sau 12 giờ đến 24 giờ thì thời điểm hết hạn mới là 09 giờ của ngày tiếp theo, trừ trường hợp tại mục 3 dưới đây;
- (3) Trường hợp sự cố được khắc phục và Hệ thống bắt đầu hoạt động lại vào các ngày Thứ 7, chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết thì thời điểm hết hạn là 09 giờ của ngày đi làm đầu tiên sau kỳ nghỉ.

Thông tư 06/2020/TT-BKHĐT có hiệu lực ngày 05/11/2020.

Nghị định số: 122/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

Ngày 15 tháng 10 năm 2020 Chính phủ ban hành Nghị định số 122/2020/NĐ-CP về Quy định về phối hợp, liên thông thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, khai trình việc sử dụng lao động, cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội, đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp.

Theo đó, quy trình phối hợp, liên thông giữa cơ quan đăng ký kinh doanh (ĐKKD) và cơ quan BHXH được quy định như sau:

- + Thông tin về tổng số lao động dự kiến, ngành, nghề kinh doanh, phương thức đóng BHXH của doanh nghiệp, chi nhánh, VPĐD.
- Khi có sự thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, VPĐD cơ quan ĐKKD chia sẻ thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, VPĐD cho cơ quan BHXH.
- Mã số doanh nghiệp, mã số chi nhánh, văn phòng đại diện được sử dụng làm mã số đơn vị tham gia BHXH.
- Khi doanh nghiệp, chi nhánh, VPĐD đóng BHXH, cơ quan BHXH chia sẻ thông tin về số lượng lao động đóng BHXH cho cơ quan ĐKKD để thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

Nghị định 122/2020/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 15/10/2020.

Nghị định số: 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

Ngày 19 tháng 10 năm 2020 Chính phủ ban hành Nghị định số 123/2020/NĐ-CP Quy định về Hóa đơn, Chứng từ.

Đây là nội dung đáng chú ý tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về hoá đơn, chứng từ có hiệu lực từ ngày 01/7/2022.

Cụ thể, bãi bỏ khoản 2 và khoản 4 Điều 35 Nghị định 119/2018/NĐ-CP quy định về hoá đơn điện tử như sau:

“2. Việc tổ chức thực hiện hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo quy định của Nghị định này thực hiện xong đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh chậm nhất là ngày 01 tháng 11 năm 2020.”

“4. Kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2020, các Nghị định: số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ hết hiệu lực thi hành.”

Như vậy, không còn bắt buộc các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh phải hoàn thành việc tổ chức thực hiện hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế từ ngày 01/11/2020.

Đồng thời các Nghị định 51/2010/NĐ-CP, Nghị định 04/2014/NĐ-CP và Nghị định 119/2018/NĐ-CP tiếp tục có hiệu lực thi hành đến ngày 30/6/2022.

Khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin áp dụng quy định về hoá đơn, chứng từ điện tử theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP trước ngày 01/7/2022.

Nghị định số: 125/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

Ngày 19 tháng 10 năm 2020 Chính phủ ban hành Nghị định số 125/2020/NĐ-CP Quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Theo đó, không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn trong các trường hợp sau đây:

- Thuộc các trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn quy định tại Điều 9 Nghị định 125/2020;
- Không xác định được đối tượng vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn;
- Đã hết thời hiệu xử phạt theo quy định tại Điều 8 Nghị định 125/2020 hoặc hết thời hạn ra quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;
- Cá nhân vi phạm đã chết, mất tích; tổ chức vi phạm đã bị giải thể, phá sản trong thời gian xem xét ra quyết định xử phạt, trừ trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 41 Nghị định 125/2020;

Căn cứ xác định cá nhân chết, mất tích; tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Nghị định 125/2020;

- Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Nghị định 125/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/12/2020.

Đây là một trong nhiều Bản tin của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM cập nhật những thông tin, cải cách mới về môi trường pháp lý, thuế và đầu tư của Việt Nam. Mọi thông tin, phân tích hay bình luận trong bản tin này nhằm giới thiệu chung, không thay thế cho bất kỳ lời tư vấn cho một tình huống cụ thể của khách hàng.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 8, Cao ốc Văn phòng
VG Building, 235 Nguyễn
Trãi, Q. Thanh Xuân, TP.
Hà Nội, Việt Nam

Tel : 024 3783 2121

Fax: 024 3783 2122

CN. MIỀN NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hoàng
Anh Safomec, 7/1 Thành
Thái, P.14, Q.10, TP. Hồ
Chí Minh, Việt Nam

Tel : 028 3832 9969

Fax: 028 3832 9959

CN. MIỀN BẮC

Số 97 Trần Quốc Toản,
phường Trần Hưng Đạo,
quận Hoàn Kiếm, TP. Hà
Nội, Việt Nam

Tel : 024 7306 1268

Fax: 024 7306 1269

VP. ĐẠI DIỆN

Tầng 16, Tòa nhà T01-
C37 Bắc Hà, đường Tô
Hữu, Q.Nam Từ Liêm,
TP. Hà Nội, Việt Nam

Tel : 024 6666 6368

Fax: 024 6666 6368

